

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ THÁI BÌNH
TỈNH THÁI BÌNH**

Số: 34/2019/QĐST-HNGĐ

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

TP. Thái Bình, ngày 30 tháng 01 năm 2019

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THÁI BÌNH, TỈNH THÁI BÌNH**

Căn cứ các Điều 212, 213 và khoản 4 Điều 397 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 55, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số: 30/2019/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 01 năm 2019, về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận về việc nuôi con khi ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

1. Chị Trần Thị Tố Kh, sinh năm 1971;

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Tổ 04, phường K, thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình;

Chỗ ở hiện nay: Số nhà 04/05, Ngõ 10, đường T, Tổ 02, phường K, thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình.

2. Anh Bùi Ngọc S, sinh năm 1973;

Nơi cư trú: Số nhà 15/01, ngõ 10, đường T, Tổ 26, phường B, thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về hôn nhân: Chị Trần Thị Tố Kh và anh Bùi Ngọc S kết hôn ngày 21 tháng 12 năm 2004 trên cơ sở tự nguyện, có thời gian tìm hiểu, có đăng ký kết hôn tại UBND phường K, thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình, trong điều kiện khi đó anh S kết hôn lần đầu, chị Kh kết hôn lần 2 và đã có 01 con riêng. Quá

trình chung sống giữa vợ chồng không có hạnh phúc. Nguyên nhân chính là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, tính cách không hợp nhau, không có sự cảm thông, chia sẻ về điều kiện hoàn cảnh của nhau, vợ chồng liên tục xảy ra cãi vã và đã sống ly thân từ năm 2008 đến nay. Nay chị Kh, anh S xác định tình cảm không còn, thời gian sống ly thân đã lâu, mâu thuẫn đã thực sự trầm trọng, không còn khả năng hàn gắn, do đó anh chị thống nhất xin thuận tình ly hôn để hai bên ổn định cuộc sống. Việc ly hôn anh chị đều đã suy nghĩ kỹ và hoàn toàn tự nguyện, anh chị đề nghị Tòa án công nhận.

[2] Về nuôi con chung: Chị Trần Thị Tố Kh và anh Bùi Ngọc S có một con chung là Bùi Yến T, sinh ngày 12 tháng 01 năm 2005. Ly hôn, chị Kh, anh S thống nhất thỏa thuận: Chị Kh trực tiếp nuôi dạy con chung Bùi Yến T. Anh S không phải có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con chung cùng chị Kh. Thỏa thuận về việc nuôi con, không yêu cầu cấp dưỡng cho con chung của anh chị là tự nguyện, đảm bảo bảo quyền lợi của con, anh chị đề nghị Tòa án công nhận.

[3] Về chia tài sản chung: Chị Trần Thị Tố Kh và anh Bùi Ngọc S không có tài sản chung, anh chị không đi vay và không cho ai vay nợ chung, anh chị không yêu cầu Tòa án không giải quyết.

[4] Về lệ phí: Chị Trần Thị Tố Kh và anh Bùi Ngọc S phải nộp tiền lệ phí giải quyết việc dân sự theo quy định của pháp luật.

Xét thấy: Chị Trần Thị Tố Kh và anh Bùi Ngọc S đã thực sự tự nguyện ly hôn, thỏa thuận được với nhau về việc trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con. Sự thỏa thuận của anh chị không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội, bảo đảm quyền lợi chính đáng của vợ, con.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

1.1. Về hôn nhân: Chị Trần Thị Tố Kh và anh Bùi Ngọc S thuận tình ly hôn.

1.2. Về nuôi con chung:

1.2.1. Chị Trần Thị Tố Kh trực tiếp nuôi dạy con chung là Bùi Yến T, sinh ngày 12 tháng 01 năm 2005.

1.2.2. Anh Bùi Ngọc S không phải có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con chung Bùi Yến T cùng chị Trần Thị Tố Kh.

1.2.3. Anh Bùi Ngọc S có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở; Chị Trần Thị Tố Kh và anh Bùi Ngọc S có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và yêu cầu cấp dưỡng cho con chung khi cần thiết.

1.3. Về chia tài sản chung: Chị Trần Thị Tố Kh và anh Bùi Ngọc S không yêu cầu do đó Tòa án không giải quyết.

2. Về lệ phí Tòa án: Chị Trần Thị Tố Kh và anh Bùi Ngọc S mỗi người phải nộp 150.000 đồng lệ phí giải quyết việc dân sự. Chuyển số tiền 300.000 đồng chị Kh, anh S đã nộp tạm ứng tại Biên lai số 0007422, 0007423 đều đề ngày 22 tháng 01 năm 2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình sang thành tiền lệ phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Dương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình;
- Cơ quan đã thực hiện việc đăng ký kết hôn (UBND phường K, thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình; GCNKH số 05 ngày 21/12/2004);
- Lưu: Hồ sơ việc dân sự.

THẨM PHÁN

Nguyễn Thị Thùy Dương

